TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **122**/2020/KDTM-ST
Ngày: 14-9-2020
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Ngọc Bích

2. Bà Hồ Bích Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thuận – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Oanh - Kiểm sát viên

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 170/2020/TLST-KDTM ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2826/2020/QĐXXST-KDTM ngày 29 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 3116/2020/QĐST-KDTM ngày 21 tháng 8 năm 2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần D

Địa chỉ: Lô, tỉnh lộ B, xã P, huyện N, tỉnh Đ

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc H, bà Đinh Thị T là người đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền số 05/2020/UQ ngày 25 tháng 3 năm 2020)

2. Bị đơn: Công ty TNHH S

Địa chỉ: Số 180C đường H, phường K, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông P là người đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ: 5B1-14 S, B, phường C, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 3 năm 2020 của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/04/2019 Nguyên đơn và bị đơn đã ký kết Hợp đồng kinh tế số 36PM/2019/HĐKT về việc mua bán bê tông thương phẩm phục vụ thi công công trình Nhà máy JS TECH tại B1, Thị xã P, tỉnh B.

Từ khi giao kết hợp đồng, nguyên đơn đã bắt đầu cấp bê tông từ tháng 04/2019 đến tháng 10/2019 cho bị đơn và đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bị đơn làm cơ sở thanh toán, với tổng số tiền bê tông đã cấp tính theo đơn giá trên hợp đồng là: 2.893.335.000 đồng. Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn với tổng số tiền là: 2.028.410.000 đồng. Ngày 31 tháng 12 năm 2020 bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền là 864.925.000 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là: 864.925.000 đồng và tiền lãi trả chậm thanh toán theo lãi suất 1.125%/ tháng (tương đương 13,5%/năm) tạm tính đến ngày 14 tháng 9 năm 2020 là: 112.118.925 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi có bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án nhưng không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và không nộp các tài liệu, chứng cứ kèm theo.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Công ty Cổ phần D khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với bị đơn Công ty TNHH S có trụ sở chính tại Số 180C đường H, phường K, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ

khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quan điểm của mình, cũng như không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Bị đơn phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ được quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 864.925.000 đồng nợ gốc theo Hợp đồng kinh tế số 36PM/2019/HĐKT ngày 15 tháng 4 năm 2019:

[5] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn xuất trình, có cơ sở xác định hai bên có ký kết và thực hiện Hợp đồng kinh tế số 36PM/2019/HĐKT ngày 15 tháng 4 năm 2019, cụ thể:

[6] Căn cứ khoản 5.3 Điều V của hợp đồng vào ngày 30 hàng tháng, hai bên tiến hành đối chiếu khối lượng bê tông đã đổ thực tế tại Nhà máy JS TECH tại B1, Thị xã P, tỉnh B và bên nguyên đơn tiến hành xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bên bị đơn.

[7] Ngày 30 tháng 4 năm 2019 nguyên đơn xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0001441 với giá trị 159.205.000 đồng, ngày 22/5/2019 bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền này.

[8] Ngày 20 tháng 5 năm 2019 nguyên đơn xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000081 với giá trị 327.130.000 đồng, ngày 28/5/2019 bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền này

[9] Ngày 31 tháng 5 năm 2019 nguyên đơn xuất hóa đơn giá trị gia tăng số

0000140 với giá trị 282.835.000 đồng, ngày 11/6/2019 bị đơn thanh toán cho nguyên đơn 181.142.500 đồng, ngày 12/6/2019 bị đơn đã thanh toán đầy đủ cho nguyên đơn số tiền này.

[10] Ngày 30 tháng 6 năm 2019 nguyên đơn xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000284 với giá trị 559.240.000 đồng, ngày 15/7/2019 bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn 200.000.000 đồng, ngày 29/7/2019 bị đơn đã thanh toán đầy đủ số tiền này.

[11] Ngày 31 tháng 7 năm 2019 nguyên đơn xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000436 với giá trị 710.780.000 đồng; bị đơn chỉ mới thanh toán cho nguyên đơn 250.000.000 đồng ngày 29 tháng 8 năm 2019, 100.000.000 đồng ngày 24 tháng 9 năm 2019, 200.000.000 đồng ngày 01 tháng 10 năm 2019, 50.000.000 đồng ngày 30 tháng 10 năm 2019, 100.000.000 đồng ngày 02 tháng 12 năm 2019, bị đơn còn nợ 10.780.000 đồng chưa thanh toán.

[12] Ngày 31 tháng 8 năm 2019 nguyên đơn xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000515 với giá trị 440.625.000 đồng, bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn khoản tiền này.

[13] Ngày 30 tháng 9 năm 2019 nguyên đơn xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000703 với giá trị 336.480.000 đồng, bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn khoản tiền này.

[14] Ngày 15 tháng 10 năm 2019 nguyên đơn xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000767 với giá trị 77.040.000 đồng, bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn khoản tiền này.

[15] Tổng cộng bị đơn còn nợ nguyên đơn là 864.925.000 đồng của bốn hóa đơn giá trị gia tăng số 0000436 ngày 31 tháng 7 năm 2019; số 0000515 ngày 31 tháng 8 năm 2019; số 0000703 ngày 30 tháng 9 năm 2019 và số 0000767 ngày 15 tháng 10 năm 2019.

[16] Ngày 31 tháng 12 năm 2019 bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền là 864.925.000 đồng. Từ ngày 31 tháng 12 năm 2019 đến nay bị đơn không thanh toán số nợ này cho nguyên đơn.

[17] Căn cứ thỏa thuận của các bên trong hợp đồng và Điều 50 Luật Thương mại, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 864.925.000 đồng nợ gốc theo Hợp đồng kinh tế số 36PM/2019/HĐKT ngày 15 tháng 4 năm 2019 là có cơ sở chấp nhận.

[18] Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 112.118.925 đồng tiền lãi do chậm thanh toán tạm tính đến ngày 14 tháng 9 năm 2020 theo lãi suất 13,5%/năm.

[19] Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 thì trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán.

[20] Theo Thông báo lãi suất cho vay nội, ngoại tệ kèm theo Văn bản số 395/TĐ-KHKD ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thành Đô, Văn bản số 2289/CNTPHCM-KHTH ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Văn bản số 6552/ HCM-TH ngày 17 tháng 8 năm 2020 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh thì lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 15,65%/năm.

[21] Xét thấy, lãi suất 13.5%/năm mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả thấp hơn lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn.

[22] Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thoả thuận trong hợp đồng nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả lãi do chậm thanh toán là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ Điều V của Hợp đồng kinh tế số 36PM/2019/HĐKT ngày 15 tháng 4 năm 2019, các bên thỏa thuận bên A (bên mua) sẽ thanh toán 100% giá trị hóa đơn trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày xuất hóa đơn. Nếu quá thời hạn trên mà bên A không thực hiện thì phải chịu mức lãi suất là 1,125%/tháng tại thời điểm trên số tiền trả chậm. Như vậy lãi suất chậm thanh toán tính như sau:

[23] Đối với hóa đơn giá trị gia tăng số 0000436 ngày 31 tháng 7 năm 2019, tiền lãi từ ngày 19 tháng 8 năm 2019 đến ngày xét xử ngày 14 tháng 9 năm 2020 đối với số tiền chưa thanh toán 10.780.000 đồng là 1.584.660 đồng.

[24] Đối với hóa đơn giá trị gia tăng số 0000515 ngày 31 tháng 8 năm 209, tiền lãi từ ngày 20 tháng 9 năm 2019 đến ngày xét xử ngày 14 tháng 9 năm 2020 đối với số tiền chưa thanh toán 440.625.000 đồng là 59.484.375 đồng.

[25] Đối với hóa đơn giá trị gia tăng số 0000703 ngày 30 tháng 9 năm 209, tiền lãi từ ngày 18 tháng 10 năm 2019 đến ngày xét xử ngày 14 tháng 9 năm 2020 đối với số tiền chưa thanh toán 336.480.000 đồng là 41.891.760 đồng.

[26] Đối với hóa đơn giá trị gia tăng số 0000767 ngày 15 tháng 10 năm 209, tiền lãi từ ngày 02 tháng 11 năm 2019 đến ngày xét xử ngày 14 tháng 9 năm 2020 đối với số tiền chưa thanh toán 77.040.000 đồng là 9.158.130 đồng.

[27] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán một lần số tiền nêu trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật: Từ ngày 31 tháng 12 năm 2019 bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán khoản nợ trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là không trái quy định của pháp luật, nên có cơ sở để chấp nhận.

[28] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[29] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần D

Buộc Công ty TNHH S có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần D 864.925.000 đồng nợ gốc theo Hợp đồng kinh tế số 36PM/2019/HĐKT ngày 15 tháng 4 năm 2019 và 112.118.925 đồng tiền lãi tính đến ngày 14 tháng 9 năm 2020, thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Công ty TNHH S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 41.311.318 đồng.

Công ty Cổ phần D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho Công ty Cổ phần D 19.898.438 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0029169 ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể

từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Mai